



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG CHO VAY THEO HẠN MỨC TÍN DỤNG DỰ PHÒNG

Số:-LAV-.....

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm....., tại trụ sở Agribank Chi nhánh/PGD
....., chúng tôi gồm:

**BÊN CHO VAY: NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN
NÔNG THÔN VIỆT NAM**

CHI

NHÁNH

- Mã số đăng ký Chi nhánh: 0100686174-..... Điện thoại:.....; Fax:

- Địa chỉ Chi nhánh:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

(Theo Văn bản ủy quyền số ngày/...../..... của và Văn bản
ủy quyền lại (nếu có) số ngày.../...../..... của Ông/Bà,
chức vụ:

)

(Sau đây gọi là “Ngân hàng”).

BÊN

VAY:

- Mã số doanh nghiệp số:, đăng ký lần đầu ngày .../...../....., đăng ký lần
..... ngày/...../..... do cấp.

- Trụ sở đăng ký tại:

- Người đại diện là: Ông/Bà: Chức vụ:

Giấy CMND/CCCD số do cấp ngày

(Theo Văn bản ủy quyền số Ngày của, chức vụ)

- Tài khoản thanh toán VNĐ số :.....tại

- Tài khoản thanh toán ngoại tệ số:..... tại

(Sau đây gọi là “Khách hàng”).

Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng dự phòng này với các điều khoản sau đây:

Điều 1. Hạn mức tín dụng dự phòng, đồng tiền cho vay, đồng tiền trả nợ và mục đích vay vốn

Ngân hàng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho Khách hàng vay vốn trong phạm vi mức dự phòng như sau:

1. Hạn mức tín dụng dự phòng (quy đổi): đồng. (Bằng chữ:).

Khách hàng được sử dụng Hạn mức tín dụng dự phòng trên trong phạm vi, thời hạn hiệu lực của Hạn mức tín dụng dự phòng để vay vốn dưới hình thức cấp tín dụng từng lần hoặc cấp hạn mức tín dụng bao gồm hạn mức cho vay, mở L/C thanh toán bằng vốn vay, bảo lãnh và các hình thức cấp tín dụng khác phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của Ngân hàng.

2. Đồng tiền cho vay, trả nợ:hoặc theo thỏa thuận cụ thể tại Hợp đồng cho vay, mở LC, phát hành bảo lãnh.

3. Mục đích sử dụng vốn:

Điều 2. Phương thức cho vay; Thời hạn cho vay; Thời hạn hiệu lực hạn mức tín dụng dự phòng

1. Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng dự phòng.

2. Thời hạn hiệu lực:tháng (kể từ ngày đến ngày).

Trong thời hạn hiệu lực của Hợp đồng này, Khách hàng có nhu cầu sử dụng Hạn mức tín dụng dự phòng với mức tối đa nêu tại Điều 1 của Hợp đồng này, Ngân hàng và Khách hàng thỏa thuận ký kết Hợp đồng cấp tín dụng cụ thể hoặc sửa đổi bổ sung Hợp đồng tín dụng hiện hành mà hai bên đang thực hiện. Hợp đồng này được chấm dứt kể từ ngày Hợp đồng tín dụng cụ thể đó có hiệu lực.

Điều 3. Phí hạn mức tín dụng dự phòng

1. Phí hạn mức tín dụng dự phòng:

a) Khách hàng phải thanh toán cho Ngân hàng khoản phí hạn mức tín dụng dự phòng này là: đồng.

Phí trả cho hạn mức tín dụng dự phòng = Giá trị hạn mức dự phòng x Tỷ lệ phí (%)

b) Thời điểm thanh toán phí hạn mức dự phòng: Ngân hàng thu một lần cùng với thời điểm giao kết Hợp đồng này. Trong mọi trường hợp sau khi ký kết Hợp đồng này, Ngân hàng không hoàn trả lại số tiền phí đã thu không phụ thuộc Khách hàng có sử dụng hay không sử dụng hạn mức tín dụng dự phòng đã được cấp;

Khi sử dụng mức cho vay dự phòng, Agribank và khách hàng ký kết HĐTD mới hoặc sửa đổi, bổ sung HĐTD đã ký kết theo phương thức phù hợp với phương án sử dụng vốn và chấm dứt HĐTD theo hạn mức dự phòng.

Điều 4: Bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

1. Nghĩa vụ của Khách hàng theo Hợp đồng này được bảo đảm bằng (các) biện pháp bảo đảm tại (các) Hợp đồng bảo đảm cụ thể như sau:

(i) Thế chấp tài sản là theo hợp đồng thế chấp số được ký kết giữa Ngân hàng và Bên thế chấp.

(ii) Cầm cố tài sản là theo hợp đồng cầm cố số được ký kết giữa Ngân hàng và Bên cầm cố.

(iii) Bảo lãnh của theo hợp đồng bảo lãnh số ... ngày giữa Ngân hàng và Bên bảo lãnh.

Chi tiết về các biện pháp và tài sản bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng được quy định cụ thể trong Hợp đồng bảo đảm được giao kết giữa Ngân hàng và Khách hàng hoặc Bên bảo đảm.

2. Nghĩa vụ của Khách hàng còn được bảo đảm theo (các) Hợp đồng bảo đảm khác được xác lập trước, sau thời điểm giao kết Hợp đồng này.

Điều 5. Trao đổi, cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến khoản vay

a) Trong quá trình thực hiện Hợp đồng này, Ngân hàng và Khách hàng khi có bất kỳ sự thay đổi nào có quyền và nghĩa vụ cung cấp thông tin cho nhau đầy đủ, kịp thời để cùng phối hợp xử lý.

b) Hình thức cung cấp thông tin: Nhận trực tiếp, qua bưu điện, fax, tin nhắn qua Zalo, SMS qua điện thoại, email

c) Mọi thông tin, tài liệu sẽ có hiệu lực: vào ngày làm việc tiếp theo của ngày nhận được thông tin, tài liệu.

Điều 6. Quyền và nghĩa vụ của Khách hàng

1. Quyền của Khách hàng

a) Từ chối các yêu cầu của Ngân hàng không đúng với thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Khiếu nại, khởi kiện việc vi phạm Hợp đồng này theo quy định của pháp luật;

2. Nghĩa vụ của Khách hàng

a) Cung cấp cho Ngân hàng thông tin, tài liệu liên quan đến việc vay vốn và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực, đầy đủ của các thông tin, tài liệu đã cung cấp;

b) Chấp hành các yêu cầu kiểm tra, giám sát của Ngân hàng về tình hình tài sản bảo đảm, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Khách hàng;

c) Thực hiện đầy đủ các thỏa thuận, cam kết khác nêu trong Hợp đồng này, Hợp đồng bảo đảm tiền vay và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng

1. Quyền của Ngân hàng

a) Yêu cầu Khách hàng cung cấp kịp thời, chính xác, đầy đủ, trung thực các thông tin, tài liệu và các thông tin khác trước, trong và sau khi giao kết Hợp đồng này;

b) Từ chối các yêu cầu của Khách hàng không đúng quy định của pháp luật, quy định cho vay của Ngân hàng và thỏa thuận tại Hợp đồng này;

c) Từ chối cho vay nếu Khách hàng không đáp ứng được yêu cầu, điều kiện vay vốn, điều kiện rút vốn vay theo quy định của Ngân hàng;

d) Kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện Hợp đồng này và các quyền khác theo quy định tại Hợp đồng này và theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ của Ngân hàng

a) Cung cấp thông tin, tài liệu cho khách hàng theo thỏa thuận tại Hợp đồng này;

b) Thực hiện đúng các nội dung đã thỏa thuận trong Hợp đồng này;

c) Lưu giữ hồ sơ tín dụng phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 8. Sự kiện vi phạm

a) Phương án sử dụng vốn của Khách hàng không đáp ứng điều kiện cho vay theo quy định của Ngân hàng, quy định của pháp luật hiện hành.

b) Khách hàng bị chuyển sang nhóm nợ xấu tại Ngân hàng, các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;

c) Bên bảo lãnh, Bên bảo đảm bị phá sản, giải thể hoặc theo ý kiến của Ngân hàng không còn khả năng đảm bảo thực hiện nghĩa vụ mà Khách hàng không có Bên bảo lãnh hoặc biện pháp bảo đảm khác thay thế;

d) Khách hàng không mua bảo hiểm tài sản theo yêu cầu của Ngân hàng;

đ) Ngân hàng có cơ sở xác định bất kỳ thông tin, cam kết, cam đoan nào do Khách hàng và/hoặc Bên bảo đảm và/hoặc Bên bảo lãnh đưa ra trong Hợp đồng này và Văn bản tín dụng là không chính xác, không trung thực và không hợp lý;

e) Khách hàng được Tòa án có thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục phá sản, ngừng hoạt động hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải thể theo quy định của pháp luật;

g) Xảy ra bất kỳ một thay đổi bất lợi đáng kể nào theo ý kiến của Ngân hàng;

2. Khi xảy ra một, một số hoặc tất cả sự kiện vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này Ngân hàng được quyền xem xét không cấp tín dụng theo phương án sử dụng vốn của Khách hàng, chấm dứt hạn mức tín dụng dự phòng và thông báo cho khách hàng bằng văn bản.

Điều 9. Phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại

1. Phạt vi phạm: Ngân hàng và Khách hàng đồng ý trong quá trình thực hiện Hợp đồng này bất kỳ bên nào có hành vi vi phạm Hợp đồng này thì phải chịu khoản tiền phạt bằng%/số tiền vi phạm;

2. Bồi thường thiệt hại: Bất kỳ bên nào (Ngân hàng và Khách hàng) có hành vi vi phạm Hợp đồng này gây thiệt hại cho bên kia thì ngoài việc chịu phạt vi phạm theo khoản 1 Điều này còn phải bồi thường toàn bộ các chi phí và thiệt hại phát sinh theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này được giải quyết trên cơ sở thương lượng giữa các bên. Trong trường hợp không thương lượng được, các bên thống nhất giải quyết tranh chấp bằng hình thức trọng tài tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) hoặc Tòa án nhân dân cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Cam kết của các Bên và các thỏa thuận chung

1. Cam kết của Khách hàng

a) Các thông tin, tài liệu cung cấp cho Ngân hàng là chính xác, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động của Khách hàng;

b) Không có bất kỳ thủ tục nội bộ hoặc thủ tục pháp lý nào liên quan đến việc tạm ngừng hoạt động, chấm dứt hoạt động, giải thể, tổ chức lại, phá sản.

c) Đã được Ngân hàng cung cấp đầy đủ các thông tin về: thẩm quyền, mức phí áp dụng và các thông tin khác có liên quan đến Hợp đồng này;

d) Các cam kết khác:

2. Cam kết của Ngân hàng: Đã hoàn tất các thủ tục cần thiết trong nội bộ để được phép ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

3. Các thỏa thuận khác

a) Ngân hàng được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Ngân hàng phát sinh theo Hợp đồng này và văn bản tín dụng. Sau khi hoàn tất việc chuyển nhượng, Ngân hàng có nghĩa vụ thông báo cho Khách hàng biết;

b) Khách hàng không được chuyển giao, chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ quyền và/hoặc nghĩa vụ của Khách hàng phát sinh theo Hợp đồng này và Văn bản tín dụng, trừ trường hợp được Ngân hàng đồng ý trước bằng văn bản. Mọi trường hợp chuyển giao, chuyển nhượng khi chưa có chấp thuận của Ngân hàng đều là trái luật và không có giá trị pháp lý.

c) Sửa đổi, bổ sung Hợp đồng: Việc sửa đổi, bổ sung Hợp đồng này phải được lập thành văn bản và phải được đại diện hợp pháp của các bên ký, đóng dấu.

Điều 12. Hiệu lực Hợp đồng

1. Hợp đồng này và các tài liệu kèm theo là một thể thống nhất, xác lập toàn bộ quyền và nghĩa vụ của các bên.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký cho đến ngày .../.../..... hoặc theo khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng này tùy theo thời điểm nào đến trước.

3. Hợp đồng này được lập thành [.....] bản gốc có giá trị pháp lý ngang nhau. Ngân hàng giữ [.....] bản và Khách hàng giữ [.....] bản.

Hai bên đã đọc kỹ, hiểu rõ đầy đủ các điều khoản, điều kiện và hoàn toàn tự nguyện đồng ý tham gia ký kết, thực hiện Hợp đồng này.

Để ghi nhận các thỏa thuận trong Hợp đồng này, đại diện hợp pháp của Khách hàng và Ngân hàng cùng ký Hợp đồng này làm căn cứ thực hiện.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN KHÁCH HÀNG

(Ký tên, đóng dấu)